TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ấn;

2. Bà Phạm Thị Thỏa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST- HNGĐ ngày 02/4/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-DS, ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lù Văn T; sinh năm: 1990; dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; CCCD số: 002090003111 do Cục C – BCA cấp ngày 06/6/2023; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/7/2024).

2. Bị đơn: Chị Vàng Thị H; sinh năm: 1992; dân tộc: Nùng; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 01/8/2023, bản tự khai ngày 06/5/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/7/2024 anh Lù Văn T trình bày:

Anh T và chị Vàng Thị H, sinh năm 1992, địa chỉ thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang qua tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn

Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang ngày 22/10/2013. Anh chị có một con chung là cháu Lù Thị D, sinh ngày 20/9/2013. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nên chị H đã tự ý dẫn theo con gái D bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay vẫn không có tin tức gì về chị H và con gái Lù Thị D ở đâu. Anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị H mất tích, ngày 24/3/2023 Tòa án đã ban hành quyết định số 06/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Vàng Thị H mất tích, để ổn định cuộc sống, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị H.

Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị H có một con chung là cháu Lù Thị D, sinh ngày 20/9/2013, khi chị H bỏ đi đã dẫn theo con đi cùng từ năm 2016 đến nay anh T không có tin tức gì về con. Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Vàng Thị H đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 06/2023/QĐST-VDS ngày 24/3/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với chị Vàng Thị H nhưng chị H không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2024 đối với ông Nông Quốc K – Công chức Tư pháp hộ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Chị Vàng Thị H và anh Lù Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y ngày 22/10/2013, sau đó chung sống với nhau tại thôn P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống không rõ chị H và anh T có mâu thuẫn không, chị H đã dẫn theo con chung của chị và anh T là cháu Lù Thị D về nhà ngoại sau đó bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 06/2016 đến nay vẫn không có tin tức gì về chị H và cháu D ở đâu, không thấy chị H có mặt tại nơi cư trú. Chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, anh T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2024 đối với ông Hoàng Mạnh L – Công chức Tư pháp hộ tịch Ủy ban nhân dân xã Lao Và Chải, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Chị Vàng Thị H và anh Lù Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y ngày 22/10/2013. Quá trình chung sống không rõ chị H và anh T có mâu thuẫn không, chị H đã dẫn theo con chung của chị và anh T là cháu Lù Thị D bỏ đi từ tháng 06/2016 đến nay vẫn không có tin tức gì về chị H và cháu D ở đâu, không thấy chị H có mặt tại nơi cư trú. Chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, anh T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H ở thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tại Thông báo thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, Tòa án xác định quan hệ

tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là chưa đúng, tuy nhiên tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã xác định lại quan hệ tranh chấp là "Ly hôn' là đúng theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lù Văn T, cho anh T được ly hôn với chị Vàng Thị H. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lù Văn T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Lù Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vàng Thị H, nơi cư trú cuối cùng tại thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tại thông báo thụ lý số 10/TB-TLVA ngày 02/4/2024 Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "ly hôn, tranh chấp nuôi con", quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định không yêu cầu

giải quyết về con chung, do đó Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn".

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lù Văn T và chị Vàng Thị H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 22/10/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh Lù Văn T và chị Vàng Thị H là hợp pháp.

[5] Bị đơn chị Vàng Thị H đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 06/2023/QĐST-VDS ngày 24/3/2023.

[6] Về căn cứ cho ly hôn: Anh Lù Văn T là chồng của chị Vàng Thị H là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị H của anh T là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Anh T xác nhận khi chị H bỏ đi đã dẫn theo con đi cùng từ năm 2016 đến nay anh T không có tin tức gì về con chung là cháu Lù Thị D do đó anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản, công nợ chung: Anh Lù Văn T xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh Lù Văn T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lù Văn T theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lù Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lù Văn T được ly hôn với chị Vàng Thị H.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lù Văn T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS H Y;
- UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA



Đoàn Ngọc Vĩnh